

Chính sách dân tộc đối với người Brâu ở vùng biên giới tỉnh Kon Tum: Thực trạng và vấn đề đặt ra

Nguyễn Thị Tám^(*)

Tóm tắt: Brâu là một trong 5 dân tộc thiểu số rất ít người ở Việt Nam mà dân số chỉ có dưới 1.000 người. Người Brâu hiện đang cư trú tập trung ở làng Đắk Mế, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hoi, tỉnh Kon Tum. Cộng đồng này thuộc nhóm các dân tộc thiểu số rất ít người được thụ hưởng nhiều chính sách đặc thù của Nhà nước. Bài viết phản ánh một số kết quả thực hiện chính sách dân tộc đối với người Brâu, đồng thời thảo luận một số vấn đề đang đặt ra từ việc thụ hưởng chính sách ở tộc người này. Từ đó, bài viết đưa ra kết luận và khuyến nghị nhằm khắc phục những hạn chế và nâng cao chất lượng chính sách hỗ trợ cho các dân tộc thiểu số rất ít người.

Từ khóa: Chính sách dân tộc, Dân tộc thiểu số rất ít người, Dân tộc Brâu, Biên giới, Tỉnh Kon Tum

Abstract: Brau is one of five very small ethnic minority groups in Vietnam with a population of less than 1,000 people, currently residing in Dak Me village, Po Y commune, Ngoc Hoi district, Kon Tum province. This community benefits from many special policies of the State. The article presents results of implementing ethnic policies for the Brau people, and discusses some relevant issues. From there, conclusions and recommendations are drawn to overcome limitations and improve the quality of support policies for the very small ethnic minorities.

Keywords: Ethnic Policy, The least Populated Ethnic Minorities, Brau Ethnic Group, Border, Kon Tum Province

Ngày nhận bài: 22/8/2023; Ngày duyệt đăng: 22/02/2024

1. Mở đầu

Hiện nay, Việt Nam có 14 dân tộc thiểu số rất ít người (dân số dưới 10.000 người) bao gồm: Pà Thẻn, Lự, Ngái, Chứt, Lô Lô,

Mảng, Cơ Lao, Bố Y, Cống, Si La, Pu Páo, Rơ-măm, Brâu, Ô-đu... Các dân tộc này chủ yếu sinh sống tại các xã, thôn bản đặc biệt khó khăn của các tỉnh vùng cao, biên giới như: Hà Giang, Cao Bằng, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Điện Biên, Nghệ An, Quảng Bình, Kon Tum,... Brâu là dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me. Theo kết quả Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019, dân tộc Brâu chỉ có tổng số 525 người, là một trong

¹ Bài viết là một phần kết quả của Đề tài cấp Bộ “Biến đổi văn hóa của tộc người Brâu ở vùng biên giới tỉnh Kon Tum hiện nay” do TS. Nguyễn Thị Tám chủ nhiệm, Viện Dân tộc học chủ trì, thực hiện giai đoạn 2023-2024.

^(*) TS., Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
Email: hongtam.ls89@gmail.com

5 dân tộc có dân số dưới 1.000 người ở Việt Nam (Tổng cục Thống kê, 2020: 45). Con số này đã tăng lên 571 người vào năm 2023 (UBND xã Pờ Y, 2023).

Thời gian gần đây, Đảng và Nhà nước Việt Nam đã ra một số quyết sách quan trọng, mang tính đặc thù về phát triển kinh tế - xã hội và bảo tồn văn hóa cho nhóm các dân tộc thiểu số rất ít người, trong đó có người Brâu. Nhờ đó, diện mạo đời sống của người dân từng bước được cải thiện, vị thế của họ ngày càng được nâng lên. Tuy nhiên, sự hỗ trợ, quan tâm đặc biệt cũng tạo ra một số lực cản ảnh hưởng đến quá trình phát triển của tộc người.

2. Khát quát về tộc người Brâu và địa bàn nghiên cứu

Theo các tài liệu đã công bố, cộng đồng Brâu ở tỉnh Kon Tum có nguồn gốc từ Nam Lào và Đông Bắc Campuchia, một bộ phận nhỏ người Brâu di cư sang Việt Nam gần 200 năm và sinh sống trong khu vực ngã ba biên giới của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia (Bùi Ngọc Quang, 2013, 2017).

Tại Việt Nam, hiện nay người Brâu cư trú tập trung tại thôn Đắc Mế, xã Pờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum. Đây là xã vùng cao, biên giới, cách trung tâm huyện 10 km, phía Đông và phía Bắc giáp xã Đắc Xú, phía Nam giáp xã Sa Loong, phía Tây giáp Lào và Campuchia; đoạn biên giới dài 20,122 km (tuyến biên giới Việt Nam - Lào dài 8,022 km, tuyến biên giới Việt Nam - Campuchia dài 12,1 km). Xã Pờ Y có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng và an ninh với cửa khẩu Quốc tế Bờ Y và cửa khẩu phụ Đắc Kôi. Tổng diện tích tự nhiên của xã là 9.930 ha, có 8 thôn, làng (Ngọc Hải, Bắc Phong, Kon Khôn, Đắc Mế, Măng Tôn, Tà Ka, Đắc Răng, Iệt), phân bố dọc theo Quốc

lộ 40. Xã có 15 dân tộc cùng sinh sống, trong đó có 2 thôn của dân tộc Mường, Thái, Tày, Kinh, còn lại là 6 thôn của các dân tộc thiểu số tại chỗ như Ca dong, Brâu, Xơ-đăng, Giẻ-Triêng,... xen cư cùng các dân tộc khác. Tổng dân số toàn xã có 2.543 hộ, 8.610 khẩu, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 46,3%, với 1.360 hộ/3.986 khẩu. Cộng đồng dân tộc Brâu sinh sống tập trung tại thôn Đắc Mế với dân số 173 hộ/571 khẩu, chiếm tỷ lệ 6,8% dân số toàn xã. Năm 2023, thôn có 6 hộ nghèo (chiếm 1,9% so với số hộ nghèo toàn xã); có 5 hộ cận nghèo (chiếm 1,58% so với số hộ cận nghèo toàn xã) (UBND xã Pờ Y, 2023).

Với dân số chỉ hơn 500 người¹, Brâu là một trong những dân tộc thiểu số rất ít người ở Việt Nam cần được quan tâm đặc biệt với những chính sách đặc thù.

3. Tình hình thực hiện chính sách dân tộc đối với người Brâu

Brâu là tộc người được coi là nằm trong nhóm dân tộc yếu thế nên ngoài việc được hưởng những chính sách hỗ trợ chung cho dân tộc thiểu số, người Brâu còn được quan tâm bởi những chính sách đặc thù của Nhà nước, cụ thể là (UBND tỉnh Kon Tum, Ban Dân tộc, 2020):

Giai đoạn 1992-1995: Dân tộc Brâu được Nhà nước hỗ trợ 988 triệu đồng với các hạng mục: sửa chữa, cải tạo 50 ngôi nhà bằng khung gỗ lợp ngói, thưng gỗ, nền lán xi măng; khai hoang 23 ha đất sản xuất; khoan 35 giếng nước, hỗ trợ dụng cụ sản xuất và dụng cụ sinh hoạt; đầu tư 80 con bò giống sinh sản, lập 50 vườn hộ có cây ăn quả, hỗ trợ lương thực 6.000 kg; xây dựng 01 lớp học 50 m, trạm

¹ Xếp thứ 53/54 dân tộc về tổng số dân, chỉ xếp trên dân tộc Ô đư với 428 người (Tổng cục Thống kê, 2020: 45).

bơm điện dùng để tưới 7 ha lúa, 01 nhà Rông văn hóa với diện tích 90 m², kênh mương thủy lợi dài 1,2 km...

Giai đoạn 1996-2002: Người Brâu nhận được sự hỗ trợ từ Chương trình định canh, định cư của Nhà nước, trong đó hỗ trợ thay tấm lợp nhà ở cho 9 hộ, hỗ trợ dụng cụ sản xuất (như 03 xe kéo, 01 máy phát cỏ, 02 công cụ sạ lúa, 05 máy tuốt lúa); hỗ trợ cây con giống và dụng cụ sản xuất khác. Trong giai đoạn này, người Brâu cũng nhận được hỗ trợ từ dự án CORDAD của Hà Lan (năm 2001, 2002) cho phát triển sản xuất kết hợp hỗ trợ đời sống cho 50 hộ Brâu.

Giai đoạn 2005-2010: Người Brâu được nhận Dự án “Hỗ trợ và phát triển dân tộc Brâu tại tỉnh Kon Tum” với tổng kinh phí 26.536,8 triệu đồng do Ủy ban Dân tộc phê duyệt tại Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 29/08/2008. Những hạng mục đầu tư cho dân tộc Brâu giai đoạn này bao gồm (UBND tỉnh Kon Tum, Ban Dân tộc, 2020):

- Cơ sở hạ tầng: xây dựng đường giao thông nội vùng; hệ thống cấp nước khu dân cư; 03 phòng học; 01 nhà mẫu giáo; 01 nhà rông; 02 nhà truyền thống; 58 giếng nước sinh hoạt, đầu tư phát triển hạ tầng cho sản xuất, đồng thời xây mới, nâng cấp, sửa chữa 03 công trình giao thông, 11 căn nhà ở từ các nguồn vốn khác. Bên cạnh đó, Dự án còn hỗ trợ xây dựng 99 căn nhà cấp bốn; 49 giếng nước sinh hoạt; 3,5 km hệ thống điện khu dân cư; hỗ trợ mắc điện cho 99 hộ. Ngoài ra, thôn Đăk Mế còn được đầu tư xây mới 01 công trình trường tiểu học Bế Văn Đàn, 01 nhà công vụ giáo viên từ Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22/11/2010.

- Trong phát triển sản xuất, Dự án hỗ trợ kinh phí 3.892,6 triệu đồng để cấp cây,

con giống và các loại vật tư nông nghiệp khác cho người dân.

- Về giáo dục, Dự án hỗ trợ kinh phí 1.009,6 triệu đồng để thực hiện các nội dung: hỗ trợ tiền mặt cho học sinh các cấp học của dân tộc Brâu với mức 30.000 đồng/cháu mầm non/tháng; 45.000 đồng/học sinh tiểu học/tháng; 160.000 đồng/học sinh trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT)/tháng; mở 02 lớp xóa mù chữ cho 93 người ở độ tuổi từ 28-52 biết đọc và viết thành thạo tiếng Kinh; mở lớp đào tạo nghề dệt thổ cẩm truyền thống cho 22 học viên dân tộc Brâu (UBND tỉnh Kon Tum, Ban Dân tộc, 2020).

- Về y tế, Dự án đã đào tạo, bồi dưỡng 01 cán bộ y tế người dân tộc Brâu hoàn thành khóa học và về phục vụ tại địa phương, góp phần chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân tại thôn Đăk Mế; từng bước khắc phục tình trạng suy dinh dưỡng ở trẻ em Brâu.

- Về văn hóa, Dự án hỗ trợ người Brâu phục dựng một số lễ hội truyền thống; tổ chức phục dựng nghề dệt truyền thống và tổ chức lớp truyền dạy về chế tác và diễn tấu các nhạc cụ truyền thống; tổ chức kiểm kê di sản văn hóa dân tộc Brâu,...

Giai đoạn 2016-2025: Người Brâu được nhận hỗ trợ từ *Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc rất ít người* theo Quyết định số 2086/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, tổng nhu cầu vốn thực hiện Đề án theo Quyết định số 941b/QĐ-UBND ngày 20/9/2017 của UBND tỉnh Kon Tum phê duyệt *Đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội dân tộc thiểu số rất ít người Brâu tỉnh Kon Tum* đến năm 2025 là 68.376 triệu đồng. Đề án đã hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu tại thôn Đăk Mế (sửa chữa 01 nhà Rông và 02 nhà ở truyền thống, đường

đi ra khu sản xuất tập trung); hỗ trợ mô hình phát triển sản xuất với 2.916 cây ăn quả, vật tư phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, đồng thời tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ thuật trồng trọt và kỹ năng quản lý hộ cho 22 hộ là phụ nữ dân tộc Brâu với kinh phí thực hiện là 329,5 triệu đồng; hỗ trợ bò sinh sản 167 con/167 hộ với số tiền là 2.921,3 triệu đồng, chuồng trại chăn nuôi 167 hộ với số tiền là 835 triệu đồng, 36.942 cây giống cà phê cho 48 hộ với số tiền là 197,6 triệu đồng, phân bón cho 48 hộ với số tiền là 90,8 triệu đồng; 231,07 kg thuốc bảo vệ thực vật cho 48 hộ với số tiền là 23,1 triệu đồng. Bên cạnh đó, Đề án đã tổ chức cho người Brâu tham quan, học tập mô hình sản xuất tại tỉnh Nghệ An. Về lĩnh vực bảo tồn văn hóa, Đề án đã hỗ trợ thành lập và duy trì đội văn nghệ thôn, tặng cho người Brâu 02 bộ Chiêng Tha, 02 bộ Chiêng Goong với kinh phí 127,6 triệu đồng (UBND tỉnh Kon Tum, Ban Dân tộc, 2020).

Ở giai đoạn này, trong lĩnh vực giáo dục, Chính phủ có bổ sung Nghị định số 57/NĐ-CP ngày 09/7/2017 quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mầm non, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người. Theo đó, học sinh mầm non dân tộc Brâu được hưởng mức hỗ trợ học tập bằng 30% lương cơ sở/trẻ/tháng, học sinh tiểu học và THCS hưởng mức 40%, học sinh học tại trường phổ thông dân tộc bán trú hưởng mức 60%, học sinh học tại trường phổ thông dân tộc nội trú và sinh viên hưởng mức 100%. Như vậy, ở mức lương cơ sở hiện tại là 1.800.000 đồng/tháng thì con em dân tộc Brâu đi học được hưởng từ 540.000 đồng đến 1.800.000 đồng/tháng (Tư liệu thực địa của tác giả, 2023).

Nội dung và các hạng mục hỗ trợ trên cho thấy, hệ thống chính sách đầu tư

của Nhà nước dành cho dân tộc Brâu dựa trên tiêu chí xem họ là nhóm yếu thế và cần thiết phải được quan tâm đặc biệt. Là những người thực thi các chính sách hỗ trợ, lãnh đạo và cán bộ các sở, ban ngành của tỉnh Kon Tum, đặc biệt là Ban Dân tộc cho rằng, những chính sách hỗ trợ này là cần thiết, nhiều năm qua đã góp phần làm thay đổi toàn diện đời sống của hai dân tộc thiểu số rất ít người Brâu và Rơ-măm. Kết quả từ những chương trình hỗ trợ này giúp cơ sở vật chất hạ tầng ở khu vực đồng bào dân tộc rất ít người ngày càng được hoàn thiện. Đời sống văn hóa vật chất và tinh thần của người dân dần được nâng cao. Tỷ lệ hộ nghèo ở người Brâu cũng bắt đầu giảm dần qua các năm (*năm 2022 là 6,9% so với số hộ nghèo toàn xã, năm 2023 giảm xuống còn 1,9%*), người dân được tiếp cận với các điều kiện sống hiện đại nhiều hơn nhờ cơ sở hạ tầng được xây dựng khang trang hơn. Trao đổi trong cuộc tọa đàm của chúng tôi với cán bộ cấp tỉnh, một cán bộ Sở chia sẻ: *“So với thời bà con Brâu còn du canh du cư ở trong rừng thì những chính sách hỗ trợ phát triển đã khiến cho diện mạo đời sống của bà con khá khá hơn trước rất nhiều”* (Cán bộ, nam, sinh năm 1972, dân tộc Kinh).

So với những dân tộc khác trong tỉnh, cán bộ các sở, ban ngành ghi nhận: Brâu và Rơ-măm là hai tộc người nhận được nhiều nhất các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, nhờ đó bộ mặt nông thôn miền núi và địa bàn biên giới đặc biệt khó khăn của tỉnh Kon Tum đã có những khởi sắc nhất định. Vì có nhiều chính sách cho hai dân tộc này nên cán bộ các sở, ban ngành địa phương có những thời điểm “chóng mặt” tìm cách triển khai, đôi khi dự án này chưa kết thúc lại tiếp nối nhiệm vụ khác. Tuy nhiên, khi tổng hợp những báo cáo đề xuất của Ban

Dân tộc, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, chúng tôi vẫn thấy những kiến nghị, đề nghị Trung ương tiếp tục bổ sung chính sách hỗ trợ cho người dân, bởi theo họ hiện nay xã Pờ Y đã đạt chuẩn nông thôn mới nên hàng loạt chính sách hỗ trợ cho người dân trước đó đã không còn, như hỗ trợ bảo hiểm y tế, an sinh xã hội,... Trong khi đó, địa phương không có khả năng tự huy động nguồn lực cho phát triển kinh tế - xã hội, vẫn cần nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để duy trì kết quả đã đạt được. Khi bàn đến điều này, cán bộ địa phương cho rằng, dù đời sống của người Brâu đã được cải thiện hơn so với trước nhưng hiện nay vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, thể hiện ở thu nhập bình quân đầu người còn thấp (khoảng 24,6 triệu đồng/người/năm, bình quân toàn tỉnh Kon Tum 47,1 triệu đồng/người/năm),..., do đó vẫn cần có những hỗ trợ liên tục và dài hạn.

4. Một số vấn đề đặt ra từ việc thực hiện chính sách dân tộc ở người Brâu

4.1. Tính hiệu quả của một số hạng mục trong các chương trình, dự án hỗ trợ

Trong các chương trình, dự án hỗ trợ cho người Brâu, điều dễ nhận thấy là những hỗ trợ vật chất nhằm nâng cao đời sống và phát triển kinh tế được coi là nút thắt chính để giải quyết các vấn đề còn lại. Theo đó, ở mỗi giai đoạn, nguồn kinh phí lớn sẽ được phân bổ cho các hạng mục như đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất, nguồn kinh phí nhỏ hơn sẽ hỗ trợ cho văn hóa, giáo dục và lĩnh vực khác. Trong sản xuất, việc hỗ trợ cây giống được đánh giá là khả thi hơn hỗ trợ con giống. Theo báo cáo của Ban Dân tộc tỉnh Kon Tum (2020), kết quả kiểm tra giữa giai đoạn hỗ trợ 2016-2025 tại thôn Đắc Mế thống kê 26 hộ đã bán bỏ dự án do cần tiền với nhiều lý do như: gia đình có người đau ốm

cần chữa bệnh; trả nợ; làm đám cưới cho con; mua máy, ống tưới cà phê... Không chỉ bán bò mà những vật nuôi khác như heo, gia cầm được hỗ trợ, người dân nuôi một thời gian ngắn rồi cũng bán hoặc làm thịt. Không ít hộ “trót” thịt vật nuôi của các dự án hỗ trợ, khi cán bộ dự án xuống kiểm tra thì họ lý giải là “nuôi giống này khó lắm”, hoặc “không kiếm nổi thức ăn cho chúng”, “dịch bệnh nhiều, sợ vật nuôi chết bệnh, chính quyền bắt tiêu hủy nên tôi thịt trước để cả nhà còn được ăn”,... (Tư liệu thực địa của tác giả, 2023).

Các đề án, dự án cho đến nay vẫn thiếu vắng sự đánh giá của các chuyên gia có chuyên môn về phát triển ở giai đoạn giữa hoặc kết thúc đề án. Chính vì vậy, những hạn chế của dự án trước thường vẫn tái diễn ở dự án sau. Đề án hỗ trợ phát triển dân tộc Brâu trên thực tế là cụ thể hóa các chính sách đặc thù, song rất ít những giải pháp có tính đặc thù phù hợp với văn hóa, tri thức địa phương của người dân, mà thường thực hiện thông qua bộ máy hành chính các cấp như mọi dự án thông thường khác.

Qua các chương trình hỗ trợ đặc thù cho dân tộc Brâu, có thể thấy không phải cứ đầu tư nhiều thì có thể phát triển kinh tế một cách bền vững được.

Về phương diện văn hóa, người Brâu có thể sử dụng tiền hỗ trợ để xây nhà rông, mua trang thiết bị, nhạc cụ, trang phục,..., tuy nhiên làm thế nào để người dân công nhận, yêu thích, học tập và sử dụng được hết các trang bị này trong cuộc sống sau khi đề án kết thúc là vấn đề cần đặt ra. Thực tế qua ba lần¹ Nhà nước hỗ trợ xây dựng nhà Rông mới nhưng trong tâm thức

¹ Lần 1 vào năm 1993, lần 2 vào năm 1998, lần 3 vào năm 2018.

của chủ thể văn hóa chưa thật sự công nhận đó là mô hình nhà Rông truyền thống của họ. Một số lớp truyền dạy nghề dệt, lớp dạy múa cồng chiêng, lớp nấu rượu cần truyền thống,... đã được mở ra để đào tạo cho người dân, đặc biệt là lớp trẻ biết được giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc họ, tuy nhiên vẫn có tâm lý “đi học vì tiền” - mỗi học viên đi học được nhận thù lao theo buổi dù không nhiều, hoặc *“đi học biết nghề thì sau có dịp biểu diễn gần xa hay có đoàn khách đến thăm, họ yêu cầu dựng lại văn hóa truyền thống, mỗi dịp như vậy họ cũng cho mình tiền mả”* (Nữ, sinh năm 1981, dân tộc Brâu, thôn Đắc Mế). Qua những hỗ trợ mà họ được nhận và những đợt đi biểu diễn văn hóa khắp các vùng miền, nhận thức của người dân đã dần tăng lên, họ nhận thấy việc bảo tồn và thực hành văn hóa truyền thống mang lại thu nhập cho họ, chính việc “giàu văn hóa” là cốt lõi để họ được nhận những sự hỗ trợ của Nhà nước, từ đó họ có thêm động lực để bảo tồn và phát huy. Tuy nhiên, thực tế đó cũng đặt ra vấn đề đáng phải suy ngẫm, nếu việc giữ gìn văn hóa không xuất phát từ nhu cầu tự thân, tới một thời điểm nào đó, các chương trình hỗ trợ không còn hoặc giảm đi, liệu họ có còn tâm huyết với câu chuyện bảo tồn nữa hay không?

4.2. Gia tăng sự so bì của các dân tộc cận cư, ảnh hưởng tiêu cực đến sự gắn kết giữa các tộc người

Các dự án đầu tư, hỗ trợ của Nhà nước dành cho tộc người Brâu đều thể hiện mục tiêu “duy trì, phát triển và nâng cao vị thế của các dân tộc thiểu số rất ít người; xóa đói giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào một cách bền vững nhằm giảm dần sự chênh lệch về khoảng cách phát triển với các dân tộc khác trong vùng; xây dựng cơ sở

hạ tầng thiết yếu ở các thôn, bản nơi sinh sống tập trung của đồng bào dân tộc rất ít người; góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc”. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được thì khoảng cách giữa các tộc người cận cư và người Brâu càng ngày càng lớn bởi tâm lý tự ti, so bì về chế độ hỗ trợ, về cuộc sống. Người Ca dong ở các thôn bên cạnh có tỷ lệ hộ nghèo cao hơn so với dân tộc Brâu, thậm chí cao nhất trong xã, ngay cả chính quyền xã cũng nhận định đời sống của nhóm Ca dong vẫn còn nhiều “chật vật” hơn người Brâu: *“Nếu chỉ căn cứ vào tiêu chí dân số để hỗ trợ từ A đến Z như vậy thì thực sự không công bằng với dân tộc khác”* (Cán bộ xã, sinh năm 1978, dân tộc Kinh, xã Pờ Y). Một bộ phận dân tộc thiểu số tại chỗ cảm nhận sự thua thiệt về chế độ chính sách, đôi khi có cả những suy nghĩ “không công bằng” giữa các dân tộc. Đó cũng là những trăn trở của lãnh đạo xã Pờ Y khi chia sẻ với chúng tôi về sự khó khăn trong công tác dân tộc ở địa bàn này.

4.3. “Thui chột” dân sự chủ động ở chủ thể được thụ hưởng chính sách

Việc đầu tư chưa “trúng” có thể dẫn đến sự ỷ lại, mất dần nội lực vươn lên của tộc người được thụ hưởng quá nhiều chính sách hỗ trợ.

Việc hỗ trợ thường xuyên đã dần hình thành thói quen thiếu sự chủ động khi gặp khó khăn của người Brâu. Điều thường gặp ở cộng đồng này là khi gặp bất cứ một đoàn công tác nào đến để tìm hiểu về cuộc sống của họ, bao giờ họ cũng “nỗ lực” chia sẻ rằng mình đang rất nghèo và mong được Nhà nước hỗ trợ, giúp đỡ. Mặc dù sự hỗ trợ đến tộc người này trong những năm qua không hề ít, nhưng họ vẫn cho rằng chưa đủ để cuộc sống của họ thoát nghèo. Thực tế,

năm 2019, xã Pờ Y đã đạt chuẩn nông thôn mới, theo đó nhiều hộ thoát nghèo và người dân không còn được hưởng một số chính sách hỗ trợ về y tế, an sinh xã hội,... Điều đó càng khiến người dân “kêu than nghèo khổ” nhiều hơn, xuất hiện tâm lý muốn trở lại nghèo để được nhận nhiều chính sách hỗ trợ. Suy nghĩ này đã ăn sâu vào tư tưởng của một bộ phận cư dân, chính vì thế các dự án phát triển gặp nhiều trở ngại khi người nghèo ít có ý chí vươn lên để thoát nghèo.

Sự ỷ lại vào chính sách thể hiện ngay cả khi người dân thiếu đất ở, đất sản xuất, họ cũng than rằng *“giờ con cái lớn hết rồi, lấy vợ lấy chồng mà không có đất cho chúng nó ở riêng, hết đất rồi, đợi Nhà nước cấp cho, không thì không biết ở đâu”* (Nam, sinh năm 1967, dân tộc Brâu). Thực tế khi người Brâu về làng Đăk Mế định cư, Nhà nước đã hỗ trợ cho mỗi hộ dân 1 sào đất để hộ tự phân chia đất làm nhà, tuy nhiên vì tâm lý được cho nên khi túng thiếu tiền tiêu, không ít hộ đã “xé đất” bán dần cho người Kinh, người Mường. Hiện trạng này cũng diễn ra tương tự đối với đất rẫy.

Sự ỷ lại, trông đợi vào những chính sách hỗ trợ đã trở thành nếp nghĩ quen thuộc trong tâm trí nhiều người dân, từ đó khiến họ thiếu “sức bật” để tự vươn lên. Họ sợ khá lên, vì khi đó sẽ không còn được nhận hỗ trợ nữa.

5. Kết luận và một số khuyến nghị

Trong những năm qua, diện mạo đời sống của người Brâu đã có những thay đổi đáng kể, song nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn. Những chính sách quan tâm đặc biệt của Nhà nước dành cho tộc người này một mặt giúp người dân cải thiện cơ sở vật chất hạ tầng, tiếp cận với những nguồn lực sinh kế mới; con em Brâu được học tập đầy đủ hơn; nhưng mặt khác lại tạo ra ở họ tâm lý ỷ lại, trông chờ sự hỗ trợ, khiến họ mất

dẫn nội lực tự vươn lên thoát nghèo; bên cạnh đó ít nhiều gây ra tâm lý so bì ở các tộc người cận cư, ảnh hưởng đến sự gắn kết giữa các tộc người.

Trên cơ sở bước đầu đánh giá những thành công, hạn chế của các dự án hỗ trợ dân tộc thiểu số rất ít người Brâu ở tỉnh Kon Tum, chúng tôi cho rằng: Các đề án, dự án hỗ trợ sản xuất cần có sự phân bổ tập trung, cần lựa chọn một số người dân có tư duy làm ăn trong cộng đồng để hướng dẫn, hỗ trợ họ phát triển mô hình sản xuất. Từ những mô hình triển vọng, có thể nhân rộng để những hộ khác học tập, không chỉ có người Brâu mà còn cả những dân tộc thiểu số tại chỗ, từ đó rút dần khoảng cách và hạn chế sự so bì giữa các tộc người. Hạn chế hỗ trợ theo hình thức “cho không” vì đây là nguyên nhân dẫn đến sự ỷ lại và “thui chột” đi nội lực tự vươn lên vốn có của tộc người.

Cần chú trọng hơn vào các chính sách đầu tư phát triển giáo dục và chất lượng nguồn nhân lực ở chính cộng đồng dân tộc thiểu số rất ít người, bồi dưỡng cho họ cả về trí lực và tâm lực để phục vụ địa phương, bởi đây là đội ngũ có sức ảnh hưởng và truyền cảm hứng mạnh mẽ đến cộng đồng. Điều này được minh chứng qua trường hợp bà Nàng Xô Vi - người phụ nữ dân tộc Brâu đầu tiên trở thành Đại biểu Quốc hội khóa XV tỉnh Kon Tum.

Cần có sự tham gia của tất cả các bên trong những giai đoạn phát triển, từ khâu lập kế hoạch, triển khai thực hiện, phân tích và đánh giá, trên cơ sở thừa nhận sự khác biệt và đa dạng văn hóa, coi vốn văn hóa của người dân như là một nguồn lực của sự phát triển, dựa vào quan điểm bên trong của cộng đồng thay vì áp đặt cái nhìn từ bên ngoài. Các chương trình, dự án phát triển dành cho người Brâu trong

thời gian qua dù rất ưu việt về quan điểm nhưng chưa thực sự dựa vào những phân tích thấu đáo về các đặc trưng tộc người nên hiệu quả chưa cao. Do vậy, cần tìm hiểu sâu hơn những kinh nghiệm, tri thức của người dân để từ đó tìm giải pháp cho các vấn đề sử dụng và quản lý đất đai, phát triển kinh tế, bảo tồn văn hóa và sử dụng vốn văn hóa của chính họ vào các chương trình, dự án phát triển để đạt được hiệu quả cao nhất □

Tài liệu tham khảo

1. Bùi Ngọc Quang (2013), *Hôn nhân và gia đình của người Brâu ở làng Đắc Mế, xã Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum*, Luận án Tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội.
2. Tổng cục Thống kê (2020), *Kết quả*

toàn bộ Tổng điều tra Dân số và Nhà ở năm 2019, Nxb. Thống kê, Hà Nội, <https://www.gso.gov.vn/wp-content/uploads/2019/12/Ket-qua-toan-bo-Tong-dieu-tra-dan-so-va-nha-o-2019.pdf>

3. UBND tỉnh Kon Tum - Ban Dân tộc (2020), *Báo cáo Kết quả kiểm tra tình hình triển khai thực hiện đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số rất ít người Brâu, Rơ Măm năm 2019 và rà soát nội dung, nhu cầu đầu tư, hỗ trợ năm 2020*.
4. UBND xã Pờ Y (2023), *Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội dân tộc ít người Brâu trên địa bàn xã Pờ Y*.
5. Viện Dân tộc học (2017), *Các dân tộc ở Việt Nam* - Tập 3. Nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ me, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

(tiếp theo trang 34)

4. Kết luận

Tư tưởng Hồ Chí Minh về thống nhất giữa lý luận và thực tiễn có giá trị to lớn về mặt thế giới quan, phương pháp luận trong định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo ở Việt Nam hiện nay. Quán triệt và thực hiện tư tưởng của Người góp phần đảm bảo đào tạo ở cấp nào thì hệ thống lý luận cần trang bị phải bảo đảm thống nhất với thực tiễn tương ứng ở cấp đó và ngược lại. Có như vậy, quá trình đổi mới giáo dục và đào tạo ở các nhà trường hiện nay mới đáp ứng được yêu cầu đặt ra là vừa trang bị

kiến thức cơ bản, hệ thống, chuyên sâu, vừa bồi dưỡng, rèn luyện những kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn tương ứng cho người học □

Tài liệu tham khảo

1. C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Tập 20, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2002.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Tập I, II, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
3. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Tập 5, 7, 10, 11, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.